

Số: 02/TB-TrMN

Vinh Quang, ngày 03 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ biên bản niêm yết công khai số: 01/BB-TrMN ngày 03/01/2023 về việc niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

Trường mầm non Tiên Hưng thông báo niêm yết công khai với nội dung sau:

Biểu công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ quản lý năm 2022.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 02/02/2023.

Thời gian tiếp nhận ý kiến tham gia góp ý của phụ huynh học sinh, cán bộ giáo viên nhân viên. Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 02/02/2023.

Địa điểm: Bảng tin trường và trên trang website của trường.

Thời gian giải đáp ý kiến tham gia thắc mắc của phụ huynh học sinh, cán bộ giáo viên nhân viên. Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 02/02/2023.

Nay trường mầm non Tiên Hưng xin thông báo để toàn thể phụ huynh học sinh và cán bộ, giáo viên nhân viên nhà trường được biết./.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Lưu VT;
- Lưu HS CM.

HIỆU TRƯỞNG


Vũ Thị Nguyệt

Số: 01 /BB-TrMN

Vinh Quang, ngày 03 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

Thời gian: Hôm nay vào lúc 16h30 ngày 03/01/2023

Địa điểm: Tại văn phòng trường trường Mầm non Tiên Hưng

Thành phần tham dự: BGH, giáo viên, nhân viên

Có mặt: 25/27 người; Vắng mặt 02 người (có lý do)

Chủ tọa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Hiệu trưởng.

Thư ký: Bà Vũ Thị Là Linh - Tổ trưởng tổ 4 tuổi (Thư ký)

NỘI DUNG

Trường Mầm non Tiên Hưng đã tiến hành niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Nội dung niêm yết công khai:

Biểu công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ quản lý năm 2022.

Thời gian niêm yết: 03/01/2023

Địa điểm: Bảng tin trường và trên trang website của trường.

Người niêm yết công khai: Bà Phạm Thị Lý – Tổ trưởng tổ 5 tuổi

Thời gian kết thúc: 02/02/2023

Biên bản được thông qua 25/25 đạt 100% thành viên nhất trí với nội dung biên bản trên. Cuộc họp kết thúc vào hồi 17h 05 cùng ngày./.

THƯ KÝ

Nm 2

Vũ Thị Là Linh



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Nguyệt

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 28. tháng 12 năm 2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THỊ NGUYỆT**. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Tiên Hưng
- Nơi thường trú: Thôn Tân Thắng, Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031175004289, ngày cấp 09/5/2021, nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Hồng Nam. Ngày tháng năm sinh: 13/7/1973
- Nghề nghiệp: Huyện ủy viên, Trưởng Ban Pháp chế HĐND huyện.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: HĐND huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
- Nơi thường trú: Thôn Tân Thắng, Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031073004361 ngày cấp 09/5/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vũ Hồng Hưng. Ngày tháng năm sinh: 21/10/2005
- Nơi thường trú: Thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031205015512 ngày cấp 13/5/2021, nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: Đất ở

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Xóm 2, thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng.
- Diện tích⁽⁹⁾: 456 m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 560.000.000 đồng



dk

lbguyet

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: 00415QSDD/H. Người được cấp: Đã được cấp cho ông Vũ Hồng Nam (Chồng) và vợ là bà Vũ Thị Nguyệt theo số M044831.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất tự mua.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, phường Đằng Hải, quận Hải An - Hải Phòng.

- Diện tích 86,0 m²

- Giá trị: 500.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CS17023. Người được cấp: Đã được cấp cho ông Vũ Hồng Nam (Chồng) và vợ là bà Vũ Thị Nguyệt theo số DE098127.

1.1.3. Thừa thứ 3:

- Địa chỉ: Thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng

- Diện tích: 117,8 m²

- Giá trị: Đất cho tặng “không xác định được giá trị”.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Vũ Hồng Nam (chồng) theo số CH01391

1.1.4. Thừa thứ 4:

- Địa chỉ: Thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng

- Diện tích: 117,8 m²

- Giá trị: Đất cho tặng “không xác định được giá trị”.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Vũ Hồng Nam (chồng) theo số CH01393

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: Nông nghiệp. Địa chỉ: lô 5D thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

- Diện tích: 720 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 280.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Có

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Xóm 2, thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 200 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 700.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CS17023. Người được cấp: Đã được cấp cho ông Vũ Hồng Nam (Chồng) và vợ là bà Vũ Thị Nguyệt theo số DE098127.
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có.3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có.



Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. 200.000.000 đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe máy Honda SH. Số đăng ký: 15H1-297.96 Giá trị: 70.000.000đ.

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: không có.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 993.400.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 121.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 122.400.000 đồng.
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.
- Tổng các khoản thu nhập chung: 750.000.000 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán thửa đất số 272 thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng (đất được tặng cho chồng) - Mua thửa đất số 687 (tách ra từ thửa 357) Tổ dân phố số 11, phường Đằng Hải, quận Hải An – Hải Phòng. <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền mặt <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p>	<p>- 117,8 m²</p> <p>+ 86,0 m²</p>	<p>700.000.000</p> <p>500.000.000</p> <p>+300.000.000</p>	<p>- Giảm do bán</p> <p>Tăng do mua đất từ tiền bán thửa đất số 272 thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng</p> <p>- Tiết kiệm từ nguồn thu nhập và tiền bán đất còn thừa.</p>

TP. HẢI PHÒNG

ĐC

Nguyễn

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		993.400.000	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 243.400.000 đồng. Thu nhập từ các khoản đầu tư 50.000.000 đ. Bán thửa đất số 272 thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng 700.000.000đ

Vinh Quang, ngày....tháng 12 năm 2022

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Điện

Vinh Quang, ngày 28 tháng 12 năm 2022.

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Nguyệt

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM(1)

(Ngày 28 tháng 12 năm 2022)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Vũ Thị Điện**. Ngày tháng năm sinh: 21/6/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Tiên Hưng – Vinh Quang – TL - HP
- Nơi thường trú: Nam Hưng – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031175011959.

Ngày cấp: 02/7/2011. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Dương**. Ngày/ tháng/ năm sinh: 14/11/1970.
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty may mặc Giang Nam – Bắc Hưng – TL - HP
- Nơi thường trú: Nam Hưng – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031070011578

Ngày cấp: 28/6/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Vũ Đức**. Ngày tháng năm sinh: 16/8/2006
- Nơi thường trú: Nam Hưng – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031206014911

Ngày cấp: 11/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Tân Thắng – Vinh Quang – Tiên Lãng – Hải Phòng



Nguyễn Vũ Điện

Nguyễn Văn Dương

- Diện tích⁽⁹⁾: 130.5 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Vũ Thị Điền
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: 01

- Địa chỉ: Thôn Bạch Xa Làng – Nam Hưng – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà kiên cố công trình cấp 3
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 130 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 800.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có): Nhà ở xây dựng trên đất ở của bố mẹ chồng.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: không có.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: không có.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không có.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

Nguyễn

Đ



- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 130.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 90.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 40.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: không có.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động.

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			





Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		130.000.000	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp:130.000.000

Vinh Quang, ngày 30...tháng 12 năm 2022
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN



(Signature)
HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Nguyệt

Vinh Quang, ngày 28 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Signature)
Vũ Thị Điền

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 28 tháng 12 năm 2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: Phạm Thị Thu Hương. Ngày tháng năm sinh: 22/04/1986.
 - Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng.
 - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Tiên Hưng
 - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031186015173 ngày cấp 31/08/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
 2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: Đỗ Mạnh Tài. Ngày tháng năm sinh: 31/10/1981
 - Nghề nghiệp: Công nhân
 - Nơi làm việc⁽⁴⁾:
 - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031081001833 ngày cấp 21/07/2015 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)
 - 3.1. Con thứ nhất:
 - Họ và tên: Đỗ Thị Linh. Ngày tháng năm sinh: 02/04/2007
 - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 31307007709 ngày cấp 05/05/2022 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
 - 3.2. Con thứ hai:
 - Họ và tên: Đỗ Văn Lộc. Ngày tháng năm sinh: 12/04/2010
 - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
- II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾**
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất
 - 1.1. Đất ở⁽⁷⁾: Đất ở.
 - 1.1.1. Thửa thứ nhất:
 - Địa chỉ⁽⁸⁾: Đường 212 thôn Lộc Trù xã Tiên Thắng huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng.
 - Diện tích⁽⁹⁾: 90m².
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.300.000.000đ

Handwritten signature

Handwritten signature



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Mạnh Tài và bà Phạm Thị Thu Hương

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2: Không có

- Địa chỉ⁽⁸⁾:

- Diện tích⁽⁹⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: *Không có*

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: *Không có*

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:.....

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: *Không có*.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: *Không có*.

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: *không có*

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾:

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):*Không có*.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe máy Honda SH. Số đăng ký: 15H138999 Giá trị: 73.500.000đ.
- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:*Không có*.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: *Không có*.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:*Không có*.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 177.792.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 81.792.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 96.000.000đ



Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô,			

mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		177.792.000đ	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 177.792.000đ
--	--	--------------	--

Vinh Quang, ngày 30 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI....



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Nguyệt

Vinh Quang, ngày 28 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Phạm Thị Thu Hương

